

# CHÔNG TRỒN VÀ TRÁNH THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP: NÊN SỬA NGHỊ ĐỊNH 20/2017/ NĐ-CP NHƯ THẾ NÀO?

**Phạm Thế Anh**

*Khoa Kinh tế học – Trường Đại học Kinh tế Quốc dân*

*Email: pham.theanh@neu.edu.vn*

**Nguyễn Hoàng Oanh**

*Khoa Kinh tế học – Trường Đại học Kinh tế Quốc dân*

*Email: oanhnh@neu.edu.vn*

**Nguyễn Đức Hùng**

*Tập đoàn FPT*

*Email: nguyenduchung.neu@gmail.com*

Ngày nhận: 30/12/2019

Ngày nhận bản sửa: 17/01/2020

Ngày duyệt đăng: 05/5/2020

## **Tóm tắt:**

*Thời gian gần đây nhiều doanh nghiệp thông qua các kênh khác nhau kiến nghị Chính phủ (thông qua Bộ Tài chính) sửa đổi Nghị định 20/2017/NĐ-CP liên quan đến quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết, cụ thể là Khoản 3 Điều 8 liên quan đến việc khống chế trần chi phí lãi vay được khấu trừ thuế thu nhập doanh nghiệp. Có nên sửa Nghị Định 20 hay không, và nếu sửa thì theo cách nào để chống được hành vi chuyển nợ tránh thuế nhưng đồng thời có thể đảm bảo được mục tiêu công bằng thuế và sự phát triển lành mạnh của hệ thống tài chính quốc gia trong dài hạn. Phân tích của chúng tôi chỉ ra rằng trần lãi vay được khấu trừ thuế nên được duy trì ở mức hiện tại, và thậm chí nên giảm dần trong tương lai. Tuy nhiên, một số điểm liên quan đến quy định này nên có những sửa đổi thích hợp để đảm bảo sự thuận lợi và công bằng cho các doanh nghiệp trong việc tuân thủ.*

**Từ khóa:** Trốn và tránh thuế, lãi vay, khấu trừ thuế.

**Mã JEL:** H25, H26.

## **To fight against corporate income tax avoidance and evasion: in what way should Decree No. 20/2017/ND-CP be amended?**

### **Abstract:**

*Recently, many businesses through different channels proposed to the government (through Ministry of Finance) to amend Decree No. 20/2017/ND-CP related to regulations on tax management on enterprises having related party transactions, especially Clause 3, Article 8 regarding the ceiling of interest expenses eligible for corporate income tax deduction. Should Decree No. 20 be revised or not, and if so, how it can be done to fight against debt transfer but at the same time ensure the tax justice and healthy financial system in the long term. Our analysis shows that the tax-deductible interest ceiling should be maintained at the present level, and even gradually reduced in the future. However, some points related to this regulation should have appropriate amendments to ensure the convenience and fairness for businesses in compliance.*

**Keywords:** Tax avoidance and evasion, interest, tax deduction.

**JEL Code:** H25, H26.

## 1. Giới thiệu chung

Để huy động vốn cho sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp có hai lựa chọn: vay nợ (debt financing) hoặc tăng vốn chủ sở hữu (equity financing). Luật Thuế Thu nhập Doanh nghiệp hiện hành cho phép chi phí lãi vay trả cho chủ nợ được khấu trừ khỏi lợi nhuận chịu thuế, trong khi cổ tức (lợi nhuận chi trả cho chủ sở hữu) lại không được khấu trừ. Do vậy, vay nợ là một cách phổ biến được các doanh nghiệp cả trong nước và quốc tế sử dụng để tránh thuế thu nhập. Vay nợ càng nhiều, tiền thuế phải nộp sẽ càng thấp. Như vậy, động cơ chính của hành vi tránh thuế thông qua vay nợ là sự đối xử bất bình đẳng của chính sách thuế đối với tiền lãi vay và cổ tức.

Cách tránh thuế đơn giản nhất là chủ sở hữu công ty cho chính công ty của mình vay tiền. Nếu góp vốn, chủ sở hữu sẽ nhận được lợi nhuận (cổ tức) sau khi đã chịu thuế, còn cho vay thì chủ sở hữu sẽ nhận được lãi vay không phải chịu thuế. Khi vay nợ, công ty cũng sẽ nộp một khoản thuế thu nhập thấp hơn so với trường hợp họ không vay nợ.

Các công ty đa quốc gia (MNCs)/FDI cũng sử dụng kỹ thuật tương tự nhằm chuyển tiền về các thiên đường thuế. Các MNCs có thể thành lập một công ty tài chính ở các thiên đường thuế (nơi có thuế suất thu nhập rất thấp hoặc bằng 0), sau đó công ty tài chính này sẽ cho một công ty khác trong cùng tập đoàn (cùng chủ sở hữu) đang hoạt động ở Việt Nam vay tiền. Công ty vay tiền chi trả tiền lãi vay cho công ty ở thiên đường thuế. Bằng cách này, các MNCs có thể chuyển tiền từ Việt Nam về các thiên đường thuế trong khi tránh được thuế thu nhập doanh nghiệp ở Việt Nam.

Vay nợ từ bên thứ ba cũng là một cách để tránh thuế thông qua hoạt động đầu tư (mua lại) hay sáp nhập. Khi đó, một công ty được mua bằng tiền vay nợ bởi một công ty ở nước ngoài. Sau khi hoạt động đầu tư diễn ra, khoản tiền này được chuyển thành nợ của công ty được mua. Công ty được mua bây giờ sẽ gánh một khoản nợ khổng lồ và chi phí lãi vay sẽ bào mòn phần lớn lợi nhuận. Do vậy, thường họ sẽ không có, hoặc có lợi nhuận rất thấp sau hoạt động đầu tư và hầu như không phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp. Thương vụ mua cổ phần chi phối Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn (Sabeco) năm 2017 của Công ty Thai Beverage (thông qua Công ty TNHH Vietnam Beverage) bằng tiền vay nợ (gần 5 tỷ USD) từ các ngân hàng ở

Thailand và Singapore là một ví dụ điển hình về việc đầu tư bằng tiền vay nợ. Một số ý kiến lo ngại cho rằng, trong tương lai sau khi kiểm soát được Sabeco, chủ đầu tư sẽ dùng nhiều cách thức khác nhau để chuyển nợ.

Hiện tượng trốn và tránh thuế thu nhập doanh nghiệp ở Việt Nam diễn ra với quy mô ngày càng lớn và hành vi ngày càng phức tạp, tinh vi. Theo một báo cáo của Tổng Cục Thuế, chỉ tính riêng năm 2018, số doanh nghiệp vi phạm về thuế là gần 96 nghìn doanh nghiệp, gấp 3 lần con số tương ứng của năm 2010; Tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp thu về được sau thanh kiểm tra là khoảng 7145 tỷ VND; Số giảm lỗ là gần 41 nghìn tỷ VND.

Keangnam – Vina, doanh nghiệp 100% vốn của một công ty đa quốc gia của Hàn Quốc hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, kinh doanh bất động sản là một ví dụ điển hình của việc tránh thuế thông qua chuyển lãi vay. Thông qua hợp đồng vay vốn từ Ngân hàng Kookmin Bank, đơn vị thành viên trong Tập đoàn Keangnam Hàn Quốc, Keangnam – Vina đã phải gánh chi phí lãi vay (với lãi suất lên tới 12%) và chi phí dàn xếp vốn lên tới trên 2000 tỷ VND. Ngoài ra, công ty này còn chuyển giá thông qua việc thuê Keangnam Enterprise – cũng là thành viên của Tập đoàn Keangnam Hàn Quốc, để làm tổng thầu EPC. Nhờ đó, Keangnam – Vina liên tục báo lỗ và không nộp thuế thu nhập doanh nghiệp. Khoản lỗ này chuyển thành khoản lãi của Ngân hàng Kookmin Bank và Keangnam Enterprise ở Hàn Quốc nơi có thuế suất thu nhập doanh nghiệp lũy tiến từ 10–22%.

Các công ty chế biến trà xuất xứ từ Đài Loan, bao gồm Công ty Chế biến trà Ô Long Jun Chow, Công ty Trà Đài Loan, Công ty Trà Kinh Lộ, hay Công ty King Wan Chen, v.v. đều vay nợ từ các công ty mẹ với chi phí lãi vay rất cao và liên tục báo lỗ. Ngoài ra, các công ty này còn bị phát hiện bán thành phẩm ra thị trường nước ngoài, nơi có công ty mẹ, với giá rất thấp. Nhờ đó, họ tránh được thuế thu nhập đáng ra phải nộp ở Việt Nam. Sau thanh kiểm tra, các công ty này đã phải ghi nhận từ lỗ lũy kế hơn 300 tỷ VND sang thành lãi hơn 1000 tỷ VND.

Tránh thuế thông qua chuyển nợ/lãi vay không chỉ xảy ra ở các MNCs mà còn cả với các công ty trong nước. Các tổng công ty/tập đoàn có xu hướng thành lập nhiều công ty thành viên để có thể dễ dàng điều tiết chi phí/lợi nhuận. Thông thường, lợi nhuận

sẽ được “điều tiết” về các doanh nghiệp thành viên hoạt động trong ngành nghề/địa bàn ưu tiên hoặc mới thành lập còn đang trong thời kỳ được hưởng ưu đãi thuế. Chuyển vay nợ giữa công ty mẹ với các công ty con diễn ra khá phổ biến ở Việt Nam, ví dụ như Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) được Chính phủ cho phép là chủ thể vay để cho vay lại với các tổng công ty phát điện (GENCO), hay Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam (TKV) cũng được quyền hỗ trợ hoạt động tài chính (thu xếp và cho vay, hỗ trợ vốn và các hình thức khác) không phải là các hoạt động ngân hàng cho công ty con trong Tập đoàn để mở rộng sản xuất và đầu tư các dự án phát triển đòi hỏi vốn lớn.

## **2. Nghị định 20/2017/NĐ-CP và sự phản ứng của doanh nghiệp**

Nghị Định 20/2017/NĐ-CP (Chính phủ, 2017 – từ đây gọi tắt là Nghị Định 20) ra đời vào năm 2017 với mục tiêu cao nhất là chống chuyển giá/chuyển nợ với mục đích trốn và tránh thuế. Đối tượng điều chỉnh của Nghị Định 20 là các doanh nghiệp có giao dịch liên kết. Liên quan đến việc chống chuyển nợ/lãi vay, Điều 3 Khoản 8 của Nghị Định 20 quy định tổng chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ chỉ được khấu trừ thuế nếu không vượt quá 20% tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng với chi phí lãi vay và chi phí khấu hao trong kỳ (EBITDA).

Trong khi các MNCs “bình chân như vại”, thì điều khoản trên của Nghị Định 20 gặp khá nhiều phản ứng từ các doanh nghiệp trong nước vốn dựa nhiều vào vay nợ, đặc biệt là các tập đoàn/tổng công ty nhà nước có giao dịch liên kết giữa các thành viên trong cùng tập đoàn/tổng công ty. *Có thể hiểu mức trần 20% được cơ quan thuế tham khảo từ BEPS (Base Erosion and Profit Shifting), Liên minh chống xói mòn cơ sở thuế và chuyển dịch lợi nhuận, của các nước OECD. Trong một nỗ lực chống xói mòn cơ sở thuế và chuyển lợi nhuận, OECD (2015) đã đưa ra khuyến cáo mức trần lãi vay được khấu trừ thuế dao động trong khoảng 10 – 30% đối với các nước thành viên, tùy điều kiện hoàn cảnh khác nhau. Những phản đối của doanh nghiệp có thể tóm tắt ở mấy điểm sau:*

Thứ nhất, một số doanh nghiệp cho rằng mức trần lãi vay/EBITDA này là quá thấp so với “đặc thù” của Việt Nam khi họ dựa nhiều vào vay nợ. Số liệu về hệ số nợ/vốn chủ sở hữu của các doanh nghiệp Việt Nam niêm yết trên sàn chứng khoán trong năm

2018 là khoảng 1,4, trong khi của các nước OECD là xấp xỉ 1. Do vậy, các doanh nghiệp cho rằng cần phải nâng mức trần không chế lên 30% mới là hợp lý.

Thứ hai, tổng chi phí lãi vay ở Khoản 3 điều 8 được hiểu là tổng chi phí lãi vay phát sinh trong một kỳ tính thuế của doanh nghiệp có giao dịch liên kết, nhưng lại không được quy định rõ là nó có bao gồm cả chi phí lãi vay phải trả cho một bên thứ ba không liên kết (độc lập) hay không. Thắc mắc của doanh nghiệp được Tổng Cục Thuế trả lời bằng Công văn 3790/TCT-DNL (Bộ Tài Chính, 2018). Theo công văn này, có thể hiểu là nếu một doanh nghiệp chỉ có nợ với bên không liên kết, nhưng doanh nghiệp có giao dịch liên kết với một bên khác, thì vẫn không được khấu trừ lãi vay nếu vượt ngưỡng. Trong khi đó, một doanh nghiệp khác cũng chỉ có nợ với bên không liên kết, nhưng doanh nghiệp này không có giao dịch liên kết với một bên nào khác, thì sẽ không chịu sự điều chỉnh của Nghị định 20, và do đó sẽ được khấu trừ hoàn toàn lãi vay. Tức là, một doanh nghiệp bất kể có giao dịch liên kết với ai, nhưng nếu có chi phí lãi vay ngay cả với một bên không có quan hệ gì, thì vẫn không được khấu trừ thuế nếu vượt ngưỡng.

Thứ ba, nhiều công ty trong giai đoạn đầu mới thành lập thường bị thua lỗ, tuy nhiên lại không được khấu trừ chi phí lãi vay do EBITDA của họ tính theo Nghị định 20 bằng 0 hoặc âm. Khi đó, Nghị định 20 vô tình lại làm tăng gánh nặng tài chính cho các công ty thua lỗ. Ngoài ra, những tập đoàn lớn đầu tư vào những ngành trọng điểm đòi hỏi số vốn đầu tư lớn cũng phản đối quy định này.

Thứ tư, các doanh nghiệp cũng cho rằng Điều 3 Khoản 8 của Nghị Định 20 có thể dẫn đến việc đánh thuế hai lần vào cùng một khoản thu nhập. Bên cho vay thu được tiền lãi vay và phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong khi đó, bên đi vay cũng phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với phần chi phí lãi vay nếu vượt ngưỡng không chế.

## **3. Nên sửa Nghị Định 20 như thế nào?**

Dưới sức ép của doanh nghiệp, Chính phủ gần đây liên tục thúc giục Bộ Tài chính tiếp thu ý kiến để xây dựng Nghị định sửa đổi. Tình hình cấp bách đến mức Chính phủ đề nghị Bộ Tài chính trình Chính phủ sửa đổi theo quy trình “rút gọn.” Bản thân Bộ Tài chính đã đưa ra dự thảo sửa đổi để lấy ý kiến theo hướng nâng mức không chế tỷ lệ lãi vay/

EBITDA được khấu trừ thuế từ 20% lên 30% - mức cao nhất theo khuyến cáo của OECD.

Trước tiên, cần lưu ý rằng Nghị Định 20 không có mục đích cản trở việc vay nợ để thực hiện sản xuất kinh doanh, mà chỉ hạn chế việc vay nợ giữa các bên có liên kết nhằm chống hành vi trốn và tránh thuế. Các doanh nghiệp vẫn có thể tiếp cận các nguồn vốn từ các bên độc lập theo giá thị trường, miễn là một số nội dung của Nghị Định có sự chỉnh sửa để tạo thuận lợi cho việc thực thi của các doanh nghiệp, đặc biệt là nội dung liên quan đến vay nợ từ một bên thứ ba độc lập.

Một doanh nghiệp có chịu sự điều chỉnh của Nghị Định 20 hay không phụ thuộc vào hai điều kiện: (i) mức độ sử dụng đòn bẩy tài chính (tỷ lệ nợ/vốn chủ sở hữu, và do vậy là tỷ lệ lãi vay/EBITDA) và; (ii) có các giao dịch liên kết hay không. Trước tiên, xét về tình trạng vay nợ, theo tính toán từ bộ dữ liệu điều tra doanh nghiệp các năm của Tổng cục Thống kê, trung bình trong giai đoạn 2013-2017, các doanh nghiệp nhà nước có hệ số nợ/vốn chủ sở hữu là khoảng 1,8, cao hơn so với khối doanh nghiệp FDI (1,6) nhưng thấp hơn so với doanh nghiệp ngoài nhà nước (1,9). Nếu xét theo ngành nghề, doanh nghiệp nhà nước trong một số ngành nghề có hệ số nợ/vốn chủ sở hữu cao hơn hẳn hai khu vực còn lại như chế biến chế tạo, tài chính, xây dựng, tiện ích (điện nước). Tỷ trọng doanh nghiệp nhà nước có hệ số nợ/vốn chủ > 3 cũng cao nhất so với các khu vực khác. Ví dụ vào năm 2017, số doanh nghiệp nhà nước có hệ số nợ/vốn chủ > 3 là 536 doanh nghiệp, chiếm 20,1% tổng số doanh nghiệp nhà nước; con số tương ứng của khu vực FDI là 2074 doanh nghiệp (chiếm 17,2% tổng số doanh nghiệp FDI), của khu vực ngoài

nhà nước là 57038 doanh nghiệp (chiếm 12,8% tổng số doanh nghiệp ngoài nhà nước).

Mức độ sử dụng đòn bẩy của khu vực doanh nghiệp nhà nước là rất cao. Hệ quả là, chi phí lãi vay/EBITDA của khu vực này cũng cao hơn hẳn so với khu vực FDI (11,2% so với 5,0% trung bình trong giai đoạn 2013-2016). Trong khi đó, khu vực ngoài nhà nước, mặc dù có hệ số nợ/vốn chủ sở hữu chỉ xấp xỉ khu vực doanh nghiệp nhà nước, nhưng lại có chi phí lãi vay/EBITDA lớn nhất, có năm xấp xỉ khoảng 30% (Bảng 1). Điều này có thể là do khu vực này phải tiếp cận vốn vay với lãi suất cao hơn và/hoặc kém hiệu quả hơn trong hoạt động sản xuất kinh doanh vì nhiều lý do khác nhau.

Thông kê số lượng doanh nghiệp có Chi phí lãi vay/EBITDA theo các mức độ khác nhau thì có kết quả trong Bảng 2. Ví dụ, năm 2016, số doanh nghiệp có tỷ lệ lãi vay/EBITDA > 20% của khu vực doanh nghiệp nhà nước là 396 doanh nghiệp (chiếm 16,5% tổng số doanh nghiệp nhà nước), của khu vực FDI là 673 doanh nghiệp (chiếm 4,9% tổng số doanh nghiệp FDI), của khu vực ngoài nhà nước là 37956 doanh nghiệp (chiếm 8,2% tổng số doanh nghiệp ngoài nhà nước).

Như vậy, doanh nghiệp ngoài nhà nước là khu vực doanh nghiệp có tỷ lệ lãi vay/EBITDA là lớn nhất. Tuy nhiên, đây lại là khối doanh nghiệp ít có quan hệ liên kết nhất nên ít chịu sự điều chỉnh của Nghị Định 20. Trong khi đó, tỷ trọng nhóm doanh nghiệp có hệ số nợ/vốn chủ sở hữu > 3 và tỷ lệ lãi vay/EBITDA > 20% trong khu vực doanh nghiệp nhà nước là lớn nhất (lần lượt là gần 20,5% và 19,4% trung bình trong giai đoạn 2013-2016). Trong khi đó, trong cùng giai đoạn, tỷ trọng doanh nghiệp có

**Bảng 1: Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu và Chi phí lãi vay/EBITDA**

Năm	Số lượng doanh nghiệp			Hệ số Nợ/Vốn chủ			Chi phí lãi vay/EBITDA		
	Ngoài nhà nước	Doanh nghiệp nhà nước	Ngoài nhà nước	FDI	Doanh nghiệp nhà nước	Ngoài nhà nước	FDI	Doanh nghiệp nhà nước	Ngoài nhà nước
2013	9699	3080	348762	1.74	2.40	2.04	4.9%	9.8%	28.6%
2014	10434	2799	375771	1.62	1.33	1.97	5.3%	11.6%	22.9%
2015	11599	2639	422683	1.59	1.27	1.85	5.0%	12.2%	-
2016	13656	2402	460168	1.50	2.01	1.86	4.7%	11.1%	29.1%
2017	14686	2341	570369	1.57	1.83	1.83			

Tính toán từ dữ liệu điều tra doanh nghiệp hàng năm của Tổng cục Thống kê.

**Bảng 2: Tỷ trọng doanh nghiệp có chi phí lãi vay/EBITDA theo các mức độ khác nhau**

Năm	Tỷ trọng doanh nghiệp có lãi vay/EBITDA ≤ 10%			Tỷ trọng doanh nghiệp có lãi vay/EBITDA = (10%, 20%]			Tỷ trọng doanh nghiệp có lãi vay/EBITDA = (20%, 30%]			Tỷ trọng doanh nghiệp có lãi vay/EBITDA > 30%		
	FDI	Doanh nghiệp nhà nước	Ngoài nhà nước	FDI	Doanh nghiệp nhà nước	Ngoài nhà nước	FDI	Doanh nghiệp nhà nước	Ngoài nhà nước	FDI	Doanh nghiệp nhà nước	Ngoài nhà nước
2013	90.4%	70.9%	94.0%	3.6%	7.4%	0.9%	1.7%	5.1%	0.8%	4.2%	16.6%	4.4%
2014	90.8%	72.9%	94.9%	3.4%	7.3%	0.8%	1.9%	5.8%	0.7%	3.9%	14.0%	3.5%
2015	91.4%	75.7%	96.1%	3.3%	7.3%	0.7%	1.7%	4.7%	0.6%	3.6%	12.3%	2.6%
2016	92.1%	76.6%	89.8%	3.0%	7.0%	1.9%	1.6%	4.7%	1.6%	3.4%	11.8%	6.6%

Tính toán từ dữ liệu điều tra doanh nghiệp hàng năm của Tổng cục Thống kê.

tỷ lệ lãi vay/EBITDA > 20% chỉ là 5,5% trong khu vực FDI và 5,3% trong khu vực ngoài nhà nước. Doanh nghiệp nhà nước cũng là nhóm doanh nghiệp có nhiều hoạt động liên kết nhất thông qua mô hình tập đoàn và tổng công ty. Đây chính là lý do tại sao Nghị Định 20 gặp nhiều sự phản đối từ nhóm doanh nghiệp này.

Khu vực FDI có chi phí lãi vay quốc tế/lãi vay trong nước bằng khoảng 1,2 lần trong giai đoạn 2013-2016. Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu của nhóm doanh nghiệp này là thấp nhất nhưng không quá xa hai khu vực còn lại (1,6 so với 1,8). Điều này chứng tỏ khu vực FDI chủ yếu có vay nợ từ thị trường quốc tế, rất có thể là từ các công ty liên kết ở nước ngoài. Trong năm 2016, chỉ có khoảng 4,9% số doanh nghiệp trong khu vực FDI có tỷ lệ lãi vay/EBITDA > 20%, và chỉ khoảng 3,4% số doanh nghiệp trong khu vực này có tỷ lệ lãi vay/EBITDA > 30%.

Lưu ý rằng, trong số những doanh nghiệp có tỷ lệ lãi vay/EBITDA > 20% không phải doanh nghiệp nào cũng có giao dịch liên kết. Do vậy, số doanh nghiệp thực sự chịu sự điều chỉnh của Nghị Định 20 trong khu vực FDI còn thấp hơn nữa. Khối này hầu như cũng không có phản ứng gì kể từ khi Nghị Định 20 có hiệu lực. Do vậy, muốn chống được hành vi trốn thuế rất phức tạp của khu vực FDI, và cả khu vực doanh nghiệp trong nước hiện nay, Chính phủ không nên nâng mức khống chế tỷ lệ lãi vay/EBITDA được khấu trừ thuế từ 20% lên 30% như đòi hỏi của một số doanh nghiệp.

Ngoài việc hạn chế hành vi trốn và tránh thuế, việc hạn chế mức trần lãi vay được khấu trừ thuế còn làm tăng khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp trong nước với các doanh nghiệp FDI vốn

có lợi thế hơn trong việc tiếp cận nguồn vốn trên thị trường quốc tế hoặc từ các công ty mẹ ở nước ngoài. Tương tự, nó cũng giúp làm tăng khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp tư nhân với doanh nghiệp nhà nước vốn có lợi thế hơn về khả năng tiếp cận các nguồn vốn. Rõ ràng, việc những tập đoàn như EVN hay TKV đứng ra vay nợ rồi cho các công ty thành viên vay lại sẽ dễ dàng và hưởng lãi suất ưu đãi hơn rất nhiều so với việc từng công ty thành viên đi vay, tạo ưu thế lớn so với các doanh nghiệp tư nhân trong nước. Do vậy, việc thắt chặt trần lãi vay được khấu trừ thuế từ các giao dịch liên kết chính là góp phần làm giảm những lợi thế của FDI với doanh nghiệp trong nước, của doanh nghiệp nhà nước với doanh nghiệp tư nhân, tạo sân chơi bình đẳng hơn giữa các loại hình doanh nghiệp.

Thậm chí, trong tương lai Bộ Tài chính nên có lộ trình giảm tỷ lệ này xuống thấp hơn nữa, và tiến tới loại bỏ hoàn toàn việc khấu trừ lãi vay giữa các công ty liên kết. Ngay bản thân với các khoản vay độc lập, tỷ lệ lãi vay được khấu trừ thuế cũng cần được khống chế ở một mức trần phù hợp để đảm bảo cấu trúc tài chính lành mạnh của các doanh nghiệp, và do vậy là hệ thống ngân hàng. Liên quan đến điều này, nhiều nước OECD hiện nay đã đưa ra quy định về vốn mỏng (thin capitalization) dựa trên một tỷ lệ nợ/vốn chủ sở hữu nhất định (phổ biến là 3). Bất kỳ doanh nghiệp nào có hệ số nợ/vốn chủ sở hữu vượt mức quy định thì phần lãi phải trả đối với phần vốn vay vượt quá quy định sẽ không được khấu trừ thuế. Thị trường chứng khoán không thể phát triển và doanh nghiệp không thể bớt phụ thuộc vào vốn vay tín dụng nếu Chính phủ không có những quyết sách và định hướng rõ ràng làm lành mạnh hệ thống

tài chính.

Và như đã đề cập tới trong phần đầu, để giảm động cơ trốn và tránh thuế qua kênh chuyển lãi vay trong dài hạn, chính sách thuế nên xóa bỏ sự phân biệt đối xử giữa vốn vay và vốn cổ phần. Đây cũng chính là khuyến cáo của Mạng lưới Công bằng Thuế toàn cầu (Turner, 2017). Tuy nhiên, Nghị Định 20 không phải là không có những điều bất hợp lý. Để tạo điều kiện cho doanh nghiệp tuân thủ tốt Nghị định và tránh được những khó khăn trong việc tuân thủ, những lưu ý/thay đổi sau nên được thực hiện.

**Mức khống chế trần chi phí lãi vay cần được áp dụng cho tất cả các doanh nghiệp.** Một số ý kiến cho rằng việc khống chế chi phí lãi vay không nên áp dụng cho các doanh nghiệp trong nước không có giao dịch xuyên biên giới hoặc các công ty mẹ – công ty con có cùng một mức thuế suất. Tuy nhiên, điều này chưa hẳn đã hợp lý. Bởi vì, giả sử công ty con có lỗ còn công ty mẹ có lợi nhuận, thì theo luật định công ty con không phải nộp thuế còn công ty mẹ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp tương ứng theo lợi nhuận kiếm được. Tuy nhiên, bằng cách chuyển lợi nhuận từ công ty mẹ sang công ty con (thông qua vay nợ), công ty con có thể sẽ bớt lỗ (vẫn không phải nộp thuế) nhưng công ty mẹ sẽ chỉ còn phải nộp một khoản thuế ít hơn bởi đã chuyển một phần lợi nhuận sang công ty con. Hơn nữa, các tập đoàn hay tổng công ty nhà nước hiện nay gồm nhiều công ty thành viên có cấu trúc sở hữu khác nhau (có công ty TNHH MTV 100% vốn nhà nước, có công ty đã cổ phần hóa), việc điều tiết lợi nhuận từ các công ty 100% vốn nhà nước sang các công ty cổ phần hóa một cách giả tạo có thể không chỉ giúp giảm nghĩa vụ thuế mà còn làm thất thoát tài sản của cổ đông nhà nước.

**Chi phí lãi vay từ các hợp đồng vay nợ kí kết trước thời điểm Nghị Định 20 có hiệu lực nên được khấu trừ toàn bộ.** Những doanh nghiệp có giao dịch liên kết và vay nợ lớn có thể bị động khi Nghị Định 20 ra đời. Hoạt động đi vay và cho vay lại giữa công ty mẹ và các công ty thành viên rất phổ biến ở các tập đoàn. Nghị Định 20 có thể đẩy những doanh nghiệp đang có những hợp đồng vay nợ dài

hạn kí kết từ năm 2017 trở về trước vào thế bị động. Với những trường hợp như vậy, chi phí lãi vay nên được miễn trừ khỏi sự điều chỉnh của Nghị Định.

Cho phép các doanh nghiệp chuyển phần chi phí lãi vay chưa được khấu trừ vào một số năm tiếp theo (có giới hạn). Điều này giúp các doanh nghiệp mới thành lập thường chịu lỗ trong giai đoạn đầu sau thành lập có thể giảm gánh nặng tài chính, đồng thời khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào những ngành đòi hỏi vốn đầu tư lớn và dài hạn. Thời hạn kết chuyển có thể là 5 năm và chỉ áp dụng với những doanh nghiệp mới thành lập hoặc có giá trị đầu tư vượt một ngưỡng nhất định.

**Chi phí lãi vay từ các giao dịch độc lập nên được miễn trừ hoàn toàn và không chịu sự điều chỉnh của Nghị Định 20.** Tập đoàn Than khoáng sản Việt Nam và nhiều công ty khác không đồng tình với việc quy định chi phí lãi vay để tính khấu trừ thuế bao gồm cả chi phí lãi vay từ các giao dịch độc lập (Bộ Tài chính, 2018). Phản ứng này là hoàn toàn dễ hiểu bởi mục đích của Nghị Định 20 nên giới hạn trong việc quản lý thuế đối với các giao dịch liên kết nhằm chống trốn và tránh thuế. Tuy nhiên, Nghị Định lại đưa cả chi phí lãi vay từ các giao dịch độc lập vào diện điều chỉnh là không phù hợp. Điều này có thể cản trở doanh nghiệp trong việc huy động vốn và gây bất bình đẳng giữa các doanh nghiệp có giao dịch liên kết (bất kể với ai) và doanh nghiệp không có giao dịch liên kết. Do vậy, miễn là bên cho vay độc lập với bên đi vay, và độc lập cả với những doanh nghiệp mà bên đi vay có giao dịch liên kết thì chi phí lãi vay nên được khấu trừ hoàn toàn khỏi thu nhập chịu thuế của bên đi vay.

Cuối cùng, Nghị Định 20 nên giới hạn trong mục tiêu chống chuyển giá thông qua các giao dịch liên kết. Việc chống xói mòn cơ sở thuế và chống vốn mỏng (cũng thông qua các công cụ trần chi phí lãi vay/EBITDA được khấu trừ thuế và/hoặc trần hệ số nợ/vốn chủ sở hữu) nên được đề xuất trong một quy định khác để đảm bảo quy định đó bao phủ được mọi doanh nghiệp, bao gồm công ty trong các tập đoàn đa quốc gia, tập đoàn trong nước, và cả các công ty độc lập.

**Lời thừa nhận/Cảm ơn:** Bài viết này nằm trong nghiên cứu Trốn và Tránh Thuế Thu nhập của các doanh nghiệp FDI ở Việt Nam thực hiện bởi Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (VEPR) với sự tài trợ của Oxfarm Việt Nam. Mọi quan điểm trong bài viết là độc lập của các tác giả.

**PHỤ LỤC SỐ LIỆU**

**Phụ lục 1: Tỷ lệ lãi vay/EBITDA theo ngành nghề**

	Lãi vay/EBITDA			Lãi vay/EBITDA			Lãi vay/EBITDA			Lãi vay/EBITDA			Lãi vay/EBITDA		
	2013			2014			2015			2016			TB 2013-2016		
	FDI	doanh nghiệp nhà nước	NNN	FDI	doanh nghiệp nhà nước	NNN	FDI	doanh nghiệp nhà nước	NNN	FDI	doanh nghiệp nhà nước	NNN	FDI	doanh nghiệp nhà nước	NNN
Nông nghiệp		7%	37%	15%	11%	18%	49%	8%	21%	18%	9%	36%	27%	9%	28%
Xây dựng	16%	40%	39%	7%	35%	35%	4%	40%	33%	4%	34%	21%	8%	37%	32%
Tài chính	0%	0%	17%	5%	6%	11%	8%	0%	13%	2%	1%	17%	4%	2%	15%
Khách sạn & nhà hàng	13%	2%	66%	11%	3%	60%	16%	8%	36%	11%	6%	59%	13%	5%	55%
Chế biến chế tạo	4%	27%	28%	4%	30%	23%	3%	21%	20%	3%	19%	17%	4%	24%	22%
Khai khoáng	1%	7%	25%		7%	37%	1%	5%	23%	2%	8%	19%	1%	7%	26%
Bất động sản	21%	6%	30%	24%	2%	31%	61%	6%	32%	33%	8%	52%	35%	6%	36%
Viễn thông	18%	4%	4%	15%	1%	5%	26%	8%	7%	3%	1%	6%	16%	4%	5%
Thương mại	7%	12%	32%	7%	20%	25%	8%	11%		5%	7%	37%	7%	13%	31%
Giao thông	34%	27%	82%	18%	14%	20%	12%	14%	21%	11%	17%		19%	18%	41%
Tiền ích	8%	7%	33%	7%	13%	32%	20%	15%	33%	18%	19%	30%	13%	14%	32%
Các ngành khác	49%	3%	27%	68%	2%	8%	19%	3%	3%	20%	1%	23%	39%	2%	15%

**Phụ lục 2: Số lượng và tỷ trọng doanh nghiệp có tỷ lệ nợ/vốn chủ theo các mức khác nhau trong mỗi khu vực**

Năm	Số doanh nghiệp có Nợ/Vốn chủ < 1			Số doanh nghiệp có Nợ/Vốn chủ = [1,3)			Số doanh nghiệp có Nợ/Vốn chủ = [3,5)			Số doanh nghiệp có Nợ/Vốn chủ > 5		
	FDI	doanh nghiệp nhà nước	NNN	FDI	doanh nghiệp nhà nước	NNN	FDI	doanh nghiệp nhà nước	NNN	FDI	doanh nghiệp nhà nước	NNN
2013	5,943	1,542	156,747	2,149	889	156,880	649	282	18,159	958	367	16,976
2014	6,301	1,447	178,327	2,319	765	156,826	735	253	20,502	1,079	334	20,116
2015	7,133	1,400	206,213	2,514	709	157,337	762	230	32,648	1,190	300	26,485
2016	8,576	1,312	313,172	2,812	625	77,486	869	203	27,106	1,399	262	42,404
2017	8,823	1,285	393,297	3,133	608	96,276	1,046	192	31,385	1,684	256	49,411
<b>TB</b>	<b>7,355</b>	<b>1,397</b>	<b>249,551</b>	<b>2,585</b>	<b>719</b>	<b>128,961</b>	<b>812</b>	<b>232</b>	<b>25,960</b>	<b>1,262</b>	<b>304</b>	<b>31,078</b>

Năm	Tỷ lệ doanh nghiệp có Nợ/Vốn chủ < 1			Tỷ lệ doanh nghiệp có Nợ/Vốn chủ = [1,3)			Tỷ lệ doanh nghiệp có Nợ/Vốn chủ = [3,5)			Tỷ lệ doanh nghiệp có Nợ/Vốn chủ > 5		
	FDI	doanh nghiệp nhà nước	NNN	FDI	doanh nghiệp nhà nước	NNN	FDI	doanh nghiệp nhà nước	NNN	FDI	doanh nghiệp nhà nước	NNN
2013	61.3%	50.1%	44.9%	22.2%	28.9%	45.0%	6.7%	9.2%	5.2%	9.9%	11.9%	4.9%
2014	60.4%	51.7%	47.5%	22.2%	27.3%	41.7%	7.0%	9.0%	5.5%	10.3%	11.9%	5.4%
2015	61.5%	53.1%	48.8%	21.7%	26.9%	37.2%	6.6%	8.7%	7.7%	10.3%	11.4%	6.3%
2016	62.8%	54.6%	68.1%	20.6%	26.0%	16.8%	6.4%	8.5%	5.9%	10.2%	10.9%	9.2%
2017	60.1%	54.9%	69.0%	21.3%	26.0%	16.9%	7.1%	8.2%	5.5%	11.5%	10.9%	8.7%
<b>TB</b>	<b>61.2%</b>	<b>52.9%</b>	<b>55.6%</b>	<b>21.6%</b>	<b>27.0%</b>	<b>31.5%</b>	<b>6.8%</b>	<b>8.7%</b>	<b>6.0%</b>	<b>10.4%</b>	<b>11.4%</b>	<b>6.9%</b>

**Phụ lục 3: Số lượng và tỷ trọng doanh nghiệp có tỷ lệ lãi vay/EBITDA  
theo các mức khác nhau trong mỗi khu vực**

Số lượng	Lãi vay/EBITDA ≤ 10%			Lãi vay/EBITDA = (10%,20%]			Lãi vay/EBITDA = (20%,30%]			Lãi vay/EBITDA > 30%		
	FDI	doanh nghiệp nhà nước	NNN	FDI	doanh nghiệp nhà nước	NNN	FDI	doanh nghiệp nhà nước	NNN	FDI	doanh nghiệp nhà nước	NNN
2013	8,771	2,184	327,817	352	227	2,990	169	157	2,696	407	512	15,259
2014	9,479	2,041	356,589	359	205	3,181	194	161	2,708	402	392	13,294
2015	10,601	1,999	406,227	382	192	3,042	200	124	2,609	416	324	10,806
2016	12,578	1,839	413,407	405	167	8,805	212	112	7,405	461	284	30,551
<b>TB</b>	<b>10,357</b>	<b>2,016</b>	<b>376,010</b>	<b>375</b>	<b>198</b>	<b>4,505</b>	<b>194</b>	<b>139</b>	<b>3,855</b>	<b>422</b>	<b>378</b>	<b>17,478</b>

Tỷ trọng	Lãi vay/EBITDA ≤ 10%			Lãi vay/EBITDA = (10%,20%]			Lãi vay/EBITDA = (20%,30%]			Lãi vay/EBITDA > 30%		
	FDI	doanh nghiệp nhà nước	NNN	FDI	doanh nghiệp nhà nước	NNN	FDI	doanh nghiệp nhà nước	NNN	FDI	doanh nghiệp nhà nước	NNN
2013	90.4%	70.9%	94.0%	3.6%	7.4%	0.9%	1.7%	5.1%	0.8%	4.2%	16.6%	4.4%
2014	90.8%	72.9%	94.9%	3.4%	7.3%	0.8%	1.9%	5.8%	0.7%	3.9%	14.0%	3.5%
2015	91.4%	75.7%	96.1%	3.3%	7.3%	0.7%	1.7%	4.7%	0.6%	3.6%	12.3%	2.6%
2016	92.1%	76.6%	89.8%	3.0%	7.0%	1.9%	1.6%	4.7%	1.6%	3.4%	11.8%	6.6%
<b>TB</b>	<b>91.2%</b>	<b>74.0%</b>	<b>93.7%</b>	<b>3.3%</b>	<b>7.2%</b>	<b>1.1%</b>	<b>1.7%</b>	<b>5.1%</b>	<b>0.9%</b>	<b>3.8%</b>	<b>13.7%</b>	<b>4.3%</b>

Tính toán từ dữ liệu điều tra doanh nghiệp hàng năm của Tổng cục Thống kê.

**Tài liệu tham khảo**

Bộ Tài chính (2018), Công văn số 3790/TCT-DNL, trả lời kiến nghị của các doanh nghiệp liên quan đến việc thực hiện Nghị định số 20/2017/NĐ-CP, ban hành ngày 5 tháng 10 năm 2018.

Chính phủ (2017), Nghị Định 20/2017/NĐ-CP, quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết, ban hành ngày 24 tháng 2 năm 2017.

OECD (2015), Limiting Base Erosion Involving Interest Deductions and Other Financial Payments, ACTION 4: 2015 Final Report, OECD/G20 Base Erosion and Profit Shifting Project.

Turner, George (2017), *Shifting profits and dodging taxes using debt*, the Tax Justice Network.